

Bản án số: 03/2024/HS-ST
Ngày 10/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Anh Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Miên và bà Lê Thị Cần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Chinh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2023/TLST-HS, ngày 21 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D; tên gọi khác: không; sinh ngày 15 tháng 6 năm 1987, tại huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Chư Bô 2, xã Ia Kla, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q (đã chết) và bà Trương Thị L, sinh năm 1965; bị cáo có vợ tên là Mai Thị H, sinh năm 1989; bị cáo có 04 người con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: không có.

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2014/HSST, ngày 08/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xử phạt bị cáo 04 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã chấp hành xong bản án. Bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2023 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Văn Minh L; tên gọi khác: không; sinh ngày 14 tháng 4 năm 2007, tại huyện Đ, tỉnh G.

Nơi cư trú: Thôn Chư Bô 2, xã Ia Kla, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Văn Minh Phong, sinh năm 1983 và bà Mã Thị Chung, sinh năm 1985; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/7/2023 đến ngày 05/8/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Văn Minh L: Bà Mã Thị Chung, sinh năm 1985 (mẹ ruột bị cáo L). Có mặt.

Trú tại: Thôn Chư Bô 2, xã Ia Kla, huyện Đ, tỉnh G.

Người bào chữa cho bị cáo Văn Minh L: Ông Vũ Quang Khải-Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G. Có mặt.

- Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Bá T, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Trú tại: tổ dân phố 3, thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G.

2. Chị Mai Thị H, sinh năm 1989. Có mặt.

Trú tại: Thôn Chư Bô 2, xã Ia Kla, huyện Đ, tỉnh G.

3. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1966. Có mặt.

Trú tại: Thôn Chư Bô 2, xã Ia Kla, huyện Đ, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ 30 phút, ngày 27/7/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Văn Minh L về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật tạm giữ gồm 01 gói nilon chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, 01 điện thoại di động và 01 xe mô tô BKS 81P8- 0571.

Tại kết luận giám định số 697/KL-KTHS, ngày 05/8/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G, kết luận: Chất màu trắng dạng tinh thể trong 01 gói nilon trong bì thư thu của Văn Minh L niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,3693 gam.

Tại Cơ quan điều tra Văn Minh L khai nhận số ma túy bị Cơ quan điều tra thu giữ là của Nguyễn Văn D, do đó vào lúc 22 giờ 15 phút, ngày 27/7/2023 Cơ

quan điều tra ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, đồng thời tiến hành khám xét nơi ở của D nhưng không thu giữ gì.

Quá trình điều tra đã chứng minh được: Vào tháng 7/2023, D lên mạng xã hội Facebook và quen biết người đàn ông tên Nhật (không rõ nhân thân, lai lịch) ở thành phố Pleiku, tỉnh G và biết được người đàn ông này có bán ma túy loại Methamphetamine. Đến ngày 27/7/2023, D liên hệ với Nhật qua ứng dụng “Messenger” mua ma túy loại Methamphetamine với số tiền 500.000 đồng, Nhật đồng ý bán. Đối tượng Nhật bỏ gói ma túy vào chiếc hộp nhựa, sau đó bỏ hộp nhựa vào hộp giấy màu xanh được dán kín, trên chiếc hộp có dán một mảnh giấy màu trắng đề nội dung “Anh D Đ Cây xăng chur pồ 0356244008”, chiếc hộp trên được bỏ vào 01 chiếc túi giấy có quai xách, rồi gửi cho xe khách Khánh Chi để đưa về Đ cho D. Đến chiều cùng ngày, Văn Minh L qua nhà D chơi (L là cháu họ của D và cũng là người đã từng sử dụng ma túy loại Methamphetamine), thì được D nói có đặt mua ma túy từ thành phố Pleiku về để sử dụng và hỏi L có sử dụng chung không thì góp tiền, L đồng ý và thống nhất tiền góp sử dụng ma túy là trừ vào số tiền công mà L làm thuê cho D (cắt cây cao su). Đến chiều tối cùng ngày anh Lê Bá T là tài xế xe khách “Khánh Chi” gọi điện thoại cho D vào số thuê bao 0356244008 và nói với D ra khu vực chợ Đ thuộc tổ dân phố 9, thị trấn Chư Ty, huyện Đ để nhận hàng. Nguyễn Văn D nói với Văn Minh L ra thị trấn Chư Ty, huyện Đ liên hệ xe Khánh Chi để nhận ma túy mang về sử dụng chung thì L đồng ý. D liền đưa điện thoại của D có số thuê bao là 0356244008 và xe mô tô biển kiểm soát 81P8-0571 cho L để làm phương tiện đi liên hệ lấy ma túy. Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày Văn Minh L đến xe khách Khánh Chi đậu trước cổng Ngân hàng BIDV thuộc tổ dân phố 9, thị trấn Chư Ty, huyện Đ nhận ma túy thì bị Công an phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về các Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G.

Tại Bản Cáo trạng số: 52/CT-VKS, ngày 20/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D, Văn Minh L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành Q công tố đề nghị:

- **Về tội danh:** Đề nghị tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, Văn Minh L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- **Về mức hình phạt:**

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; các Điều 38, 50, 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; các Điều 38, 50, 54, 58, 90, 91, 98, 101; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Văn Minh L.

- Đề nghị:

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D: Từ 18 (mười tám) tháng tù đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

+ Xử phạt: Bị cáo Văn Minh L: Từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Không đề nghị.

- **Về xử lý vật chứng của vụ án:** Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Chất màu trắng dạng tinh thể (loại methamphetamine) trong 01 gói ni lon còn lại sau giám định có khối lượng 0,3549 gam và vỏ bao được niêm phong trong bì công văn, có đặc điểm: Mặt trước ghi “số 697/PC09 ngày 05/8/2023”, tại mép dán mặt sau có các hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự, nội dung “CÔNG AN TỈNH G * PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Minh Tâm, Vũ Duy Nghĩa và Lê Thế Thành.

+ 01 túi giấy có quai xách;

+ 01 hộp chữ nhật màu xanh được quấn bằng băng keo trắng bên trên có một mẫu giấy dạng ô ly ghi nội dung “Anh D Đ, cây xăng chư pồ, 0356244008”;

+ 01 hộp nhựa không rõ hình dạng, màu hồng bạc có chữ và số “9 TIDOBEAUTIFUL”;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại VIVO màu xanh dương đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong, điện thoại không lên nguồn.

- Tuyên trả lại cho chị Mai Thị H: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius màu đỏ đen, BKS: 81P8- 0571, xe đã qua sử dụng.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Văn Minh L:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các cơ quan tiến hành tố tụng đã đảm bảo đầy đủ các Q theo quy định pháp luật cho các bị cáo.

Về tội danh: Đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với các bị cáo.

Đề nghị: Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Văn Minh L, xem xét điều kiện hoàn cảnh khó khăn của bị cáo. Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo phạm tội khi chưa thành niên. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị cáo Văn Minh L:

Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của người có Q lợi nghĩa vụ liên quan:

Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án các bị cáo Nguyễn Văn D, Văn Minh L nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nguyễn Văn D liên hệ với đối tượng tên Nhật tại thành phố Pleiku, tỉnh G mua ma túy loại Methamphetamine để sử dụng, sau đó D rủ rê Văn Minh L cùng góp tiền chung với D để mua ma túy (bằng cách trừ vào tiền công mà L làm thuê cho D) thì được L đồng ý. Đến khoảng 18 giờ 30 phút, khi L vừa nhận được ma túy từ đối tượng Nhật gửi xe khách về huyện Đ thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Tại kết luận giám định số 697/KL-KTHS, ngày 05/8/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G, kết luận: Chất màu trắng dạng tinh thể trong 01 gói nilon trong bì thư thu của Văn Minh L niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,3693 gam (không phải ba sáu chín ba gam).

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn D, Văn Minh L tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ cũng như tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy loại Methamphetamine để sử dụng với khối lượng là 0,3693 gam (không phải ba sáu chín ba gam) của Nguyễn Văn D, Văn Minh L đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Ma túy là sản phẩm mà Nhà nước độc Q quản lý và thuộc danh mục cấm lưu thông trên thị trường. Việc mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy để lại nhiều

tác hại xấu cho đời sống xã hội, sự bình yên của cộng đồng và chính bản thân người sử dụng. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích để sử dụng của Nguyễn Văn D và Văn Minh L là rất nguy hiểm cho xã hội. Bản thân các bị cáo hoàn toàn nhận thức rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng để thỏa mãn nhu cầu cá nhân, các bị cáo bất chấp pháp luật thực hiện tội phạm. Do đó cần phải áp dụng một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra để nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Nguyễn Văn D là người đã liên hệ với đối tượng tên Nhật để đặt mua ma túy, sau đó D rủ rê bị cáo Văn Minh L cùng góp tiền chung để mua ma túy. Bị cáo Văn Minh L khi được D rủ rê góp tiền mua ma túy để sử dụng chung đã đồng ý và bị cáo đã trực tiếp đi nhận ma túy. Như vậy, bị cáo D phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án này.

[5] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Các bị cáo Nguyễn Văn D, Văn Minh L không có tiền án, tiền sự; Bị cáo L có nhân thân tốt; Bị cáo D có nhân thân xấu: Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2014/HSST, ngày 08/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xử phạt bị cáo 04 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã chấp hành xong bản án. Bị cáo đã được xóa án tích. Tuy nhiên bị cáo không sửa chữa bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo D có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo là phù hợp.

Bị cáo Văn Minh L phạm tội khi dưới 18 tuổi vì vậy cần áp dụng các quy định tại Chương XII của Bộ luật hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo D có điều kiện kinh tế khó khăn, bị cáo L chưa thành niên, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Đối với người đàn ông tên Nhật, là đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Văn D, tuy nhiên quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng này nên chưa có căn cứ để xử lý. Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiếp tục điều tra để xử lý theo quy định pháp luật.

[8] Đối với anh Lê Bá T là tài xế xe ô tô khách Khánh Chi, khi nhận gói hàng anh T không biết bên trong gói hàng là ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh T là có căn cứ.

[9] Về vật chứng của vụ án:

- Chất màu trắng dạng tinh thể (loại methamphetamine) trong 01 gói ni lon còn lại sau giám định có khối lượng 0,3549 gam và vỏ bao được niêm phong trong bì công văn, có đặc điểm: Mặt trước ghi “số 697/PC09 ngày 05/8/2023”, tại mép dán mặt sau có các hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự, nội dung “CÔNG AN TỈNH G * PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Minh Tâm, Vũ Duy Nghĩa và Lê Thế Thành.

- 01 túi giấy có quai xách;

- 01 hộp chữ nhật màu xanh được quấn bằng băng keo trắng bên trên có một mẫu giấy dạng ô ly ghi nội dung “Anh D Đ, cây xăng chur pò, 0356244008”;

- 01 hộp nhựa không rõ hình dạng, màu hồng bạc có chữ và số “9 TIDOBEAUTIFUL”;

Là chất cấm lưu hành và vật không có giá trị sử dụng. Vì vậy cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc điện thoại VIVO màu xanh dương đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong, điện thoại không lên nguồn. Là công cụ liên quan đến tội phạm. Vì vậy, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius màu đỏ đen, BKS: 81P8-0571, xe đã qua sử dụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định chiếc xe mô tô trên là tài sản riêng của chị Mai Thị H (vợ bị cáo D) được cha mẹ chị H cho chị H, bị cáo D đưa xe cho bị cáo L đi nhận ma túy, chị H không biết. Vì vậy, cần trả lại xe mô tô trên cho chủ sở hữu là chị Mai Thị H là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn D và Văn Minh L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan có thẩm Q tiến hành tố tụng, Người có thẩm Q tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan có thẩm Q tiến hành tố tụng, Người có thẩm Q tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- điểm c khoản 1 Điều 249; các Điều 38, 50, 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

- điểm c khoản 1 Điều 249; các Điều 38, 50, 58, 91, 101; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Văn Minh L.

- khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D và Văn Minh L phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 27/7/2023.

Xử phạt: Bị cáo Văn Minh L 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/7/2023 đến ngày 05/8/2023.

Về vật chứng của vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Chất màu trắng dạng tinh thể (loại methamphetamine) trong 01 gói ni lon còn lại sau giám định có khối lượng 0,3549 gam và vỏ bao được niêm phong trong bì công văn, có đặc điểm: Mặt trước ghi “số 697/PC09 ngày 05/8/2023”, tại mép dán mặt sau có các hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự, nội dung “CÔNG AN TỈNH G * PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Minh Tâm, Vũ Duy Nghĩa và Lê Thế Thành.

+ 01 túi giấy có quai xách;

+ 01 hộp chữ nhật màu xanh được quấn bằng băng keo trắng bên trên có một mẫu giấy dạng ô ly ghi nội dung “Anh D Đ, cây xăng chur pồ, 0356244008”;

+ 01 hộp nhựa không rõ hình dạng, màu hồng bạc có chữ và số “9 TIDOBEAUTIFUL”;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại VIVO màu xanh dương đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong, điện thoại không lên nguồn.

- Tuyên trả lại cho chị Mai Thị H: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius màu đỏ đen, BKS: 81P8- 0571, xe đã qua sử dụng.

Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 21/11/2023 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn D và Văn Minh L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Văn Minh L, người có Q lợi nghĩa vụ liên quan có Q kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/01/2024) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có Q kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Những người TGGT khác;
- TAND tỉnh G;
- THADS;
- Lưu hồ sơ/VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Đặng Anh Việt

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH G
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toà phiên toà: Ông Lê Ngọc Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Lê Thị Thanh Cờng

Nghề nghiệp: Phó chủ tịch Hội LHPN phường Tây Sơn, TP.Pleiku, G.

Ông: Ngô Quốc Túy

Nghề nghiệp: Cán bộ hu trí

Căn cứ vào Điều 119; Điều 222 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vào hồi ... giờ ... ngày 10 tháng 4 năm 2014, tại phòng nghị án. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự: Võ Thành Đợc bị VKSND thành phố Pleiku, G truy tố về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đọc thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà. Hội đồng xét xử thảo luận và Quyết định những vấn đề phải giải quyết trong vụ án nh sau:

1/ Về tội danh:

Hội đồng xét xử sơ thẩm thống nhất: Tuyên bố bị cáo Võ Thành Đợc phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Kết quả biểu quyết: 03/03 thành viên Hội đồng xét xử tán thành - Tỷ lệ: 100%

2/ Về Điều luật áp dụng:

☐p dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

☐p dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự

Kết quả biểu quyết: 03/03 thành viên Hội đồng xét xử tán thành - Tỷ lệ: 100%

3/ Về hình phạt:

Xử phạt: Lê Quang Vơng 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính kể từ ngày tạm giữ là ngày 19/11/2013.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thành viên Hội đồng xét xử tán thành - Tỷ lệ: 100%

4/ Những vấn đề khác cần giải quyết trong vụ án:

Xử: buộc bị cáo Võ Thành Đợc phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tuyên quyền kháng cáo của bị cáo và đơng sự trong phần cuối của bản án.

Ra Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo công tác thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thành viên Hội đồng xét xử tán thành - Tỷ lệ: 100%

Biên bản kết thúc vào lúc giờ ngày 10 tháng 4 năm 2014 và đọc lại cho thành phần Hội đồng xét xử cùng nghe thống nhất ký tên dới đây.

Lê Ngọc Bình

